TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 12 - 11 - 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa và Ông Trần Thanh Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST-TCDS ngày 15/01/2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-TCDS ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Công S, sinh năm 1986 và bà Lê Phương H, sinh năm 1988; nơi cư trú: số 05 đường Lê Ngô C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Bà Lê Phương H đã ủy quyền cho ông Phan Công S thay mặt tham gia giải quyết vụ án từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc phiên Tòa. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Công T, sinh năm 1970 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/01/2019, Ông, Bà có cho vợ chồng ông T và bà Th vay số tiền 4.000.000.000 đồng, mục đích là để kinh doanh và chi tiêu cá nhân, lãi suất 1%/tháng; thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày ký giấy nhận vay cùng số tiền vay. Đến thời hạn trả tiền vay theo cam kết, ông T và bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên, mặc dù Ông, Bà nhiều lần đòi nợ.

Nay Ông, Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà Th trả số tiền 4.000.000.000 đồng *(Bốn tỉ đồng)* tiền gốc và 1.360.000.000 đồng *(Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu đồng)* tiền lãi (Tương ứng 1%/4.000.000.000/tháng) theo như các bên đã cam kết.

- Trong quá trình tố tụng, bị đơn trình bày:

Ông, Bà thừa nhận có vay của ông Phan Công S số tiền 4.000.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng; thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày 11/01/2021. Đến thời hạn trả nợ, do công việc làm ăn không thuận lợi, tình hình Covid phức tạp nên chưa bán được tài sản để trả nợ cho ông S.

Ông, Bà đề xuất phương án trả nợ với ông S, bà H như sau: Từ ngày 06/7/2021 đến ngày 06/01/2022 trả số tiền 1.000.000.000 đồng; từ ngày 07/01/2022 đến ngày 07/7/2022 trả số tiền 1.000.000.000 đồng; từ ngày 08/7/2022 đến ngày 31/12/2022 trả số tiền 2.000.000.000 đồng còn lại. Phương án trả nợ của ông T, bà Th được ông S chấp nhận; nếu ông T, bà Th thực hiện đúng cam kết thì ông S không tính lãi suất và thỏa Thuận chịu toàn bộ án phí.

Tòa án lập biên bản hòa giải thành theo thỏa thuận của các đương sự, trong thời hạn ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thì ông T thay đổi ý kiến, đề nghị "Sữa đổi phương án trả nợ" và bổ ghi bổ sung dòng này vào biên bản hòa giải thành. Tòa án yêu cầu ông T trình bày rõ bằng văn bản về phương án trả nợ để thông báo cho nguyên đơn nhưng ông T chỉ trình bày bằng miệng; vì vậy, Tòa án đã lập Biên bản về việc trình bày của ông T, nội dung như sau "Tôi đề nghị phía nguyên đơn có phương án trả nợ như sau: 06 tháng kể từ ngày Nhà nước có văn bản về việc xác nhận hết dịch Covid 19 sẽ thực hiện việc trả nợ cho ông S". Tòa án đã Thông báo việc thay đổi này của ông Trần Công T cho phía nguyên đơn và bị đơn bà Trần Thị Th, bà Th không có ý kiến gì; phía nguyên đơn - ông S có văn bản trình bày "Không xác định được thời hạn hết dịch Covid 19; đã thiện chí xem xét miễn lãi và chịu thay án phí cho bị đơn; tuy nhiên, do bị đơn không có tinh thần hợp tác; vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết: không chấp nhận thỏa Thuận như nội dung bổ sung phương án trả nợ của ông T; không chấp nhận miễn lãi suất mà yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà Th phải chịu tiền lãi như hợp đồng hai bên đã ký kết; yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định ".

Vì lý do thay đổi trên của bị đơn - Ông T không được nguyên đơn chấp nhận; do đó, Tòa án không ra Quyết định công nhận sự thỏa Thuận của các đương sự mà tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

- Tình tiết các bên đã thống nhất: Nguyên đơn và bị đơn đều thống khoản vay, thời hạn trả nợ và lãi suất.

- Tình tiết các bên không thống nhất: không thỏa Thuận với nhau về phương án trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên Tòa:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ông Phan Công S và bà Lê Phương H có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trần Công T và bà Trần Thị Th, các bên đã lập thành văn bản, đây là tranh chấp Hợp đồng dân sự Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Trần Công T và bà Trần Thị Th đều cư trú tại tổ dân phố

Nhân Thọ, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên Tòa: Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để Quyết định xét xử vắng mặt họ.

[2] Về Hợp đồng vay tài sản:

Ngày 11/9/2019 các bên ký kết vào "Giấy vay tiền", đây là giao dịch dân sự thể hiện bằng văn bản, hình thức là Hợp đồng vay tài sản. Các bên đã trưởng thành, không thuộc trường hợp bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên được xác định đầy đủ năng lực hành vi dân sự; bên vay và bên mượn thỏa thuận và ký biên bản không Thộc trường hợp bị lừa dối, ép buộc nên được xác định là hoàn toàn tự nguyện; nội dung không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội; lãi suất không vượt quá 20%/năm. Căn cứ các Điều 117, 119, 463 Bộ luật dân sự, giao dịch dân sự này có hiệu lực.

[3] Về yêu cầu đòi khoản nợ gốc: Theo hợp đồng đã ký kết, ông Phan Công S có cho ông Trần Công T và bà Trần Thị Th vay số tiền 4.000.000.000 đồng để kinh doanh và chi tiêu cá nhân; các bên thỏa Thuận sau 02 tháng kể từ ngày vay, ông T và bà Th sẽ hoàn trả số tiền trên. Quá thời hạn trả nhưng ông T, bà Th không trả số tiền vay nên ông S, bà H khởi kiện yêu cầu ông T, bà Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Kèm theo đơn yêu cầu, ông S, bà H cung cấp cho Tòa án một "Giấy vay tiền" ngày 11/01/2019. Ông T, bà Th thừa nhận chữ ký, chữ viết trong Giấy vay tiền ngày 11/01/2019 là của Ông, Bà và xác nhận số tiền vay gốc là 4.000.000.000 đồng. Do đó, xác định đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và được chấp nhận theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc ông S bà H khởi kiện yêu cầu ông T, bà Th trả cho ông bà số tiền gốc 4.000.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 11/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/11/2021 với lãi suất 1%/số nợ gốc/tháng; xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ theo như các bên đã cam kết, mức lãi suất không vượt quá 20%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể, tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: (4.000.000.000 đồng x 1%) x 34 tháng = 1.360.000.000 đồng.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Trần Công T và bà Trần Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Phan Công S và bà Lê Phương H số tiền vay gốc 4.000.000.000 đồng và tiền lãi 1.360.000.000 đồng; tổng cộng là 5.136.000.000 đồng *(Năm tỷ, một trăm ba mươi sáu triệu đồng)*.

[6]. Về án phí: Yêu cầu của ông Phan Công S và bà Lê Phương H được chấp nhận nên không phải chịu án phí; ông Trần Công T và bà Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định "Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án" và điểm e điều 1.3 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông Trần Công T và bà Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.360.000 đồng [cách tính là: 112.000.000 + (1.360.000.000 x 0,1%)]. Ông Phan Công S và bà Lê Phương H được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 112.956.000 đồng đã nộp theo Biên lai Th tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007067 ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 185, Điều 186, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định "Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án" và điểm e điều 1.3 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt ông Trần Công T và bà Trần Thị Th.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Công S và bà Lê Phương H. Buộc ông Trần Công T và bà Trần Thị Th phải trả cho nguyên đơn ông Phan Công S và bà Lê Phương H số tiền vay gốc 4.000.000.000 đồng và tiền lãi 1.360.000.000 đồng; tổng cộng là 5.136.000.000 đồng *(Năm tỷ, một trăm ba mươi sáu triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Ông Trần Công T và bà Trần Thị Th phải chịu 113.360.000 đồng *(Một trăm mười ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Phan Công S và bà Lê Phương H số tiền 112.956.000 đồng *(Một trăm mười hai triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân

sự đã nộp theo Biên lai Th tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0007067, ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/11/2021; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã Ký)

Phan Anh Đức

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKS nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.